TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2021.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Thanh Nguyên.
- Ông Bùi Ánh Dương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-HNGĐ Ngày 25/3/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đoàn Thị Thu H, sinh năm 2000. Nơi ĐKHKTT: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh L;

- *Bị đơn*: Anh Nông Văn T, sinh năm 1992. Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh L.

Người làm chứng:
- Bà Vương Thị N, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh L.
- Anh Nguyễn Văn L. Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về tính cách, anh T không chịu tu chí làm ăn nên vợ chồng dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau. Mặc dù hai bên gia đình và thôn bản đã hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành, nên từ tháng 5/2020 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn X, xã V, huyện V và sống ly thân anh T từ đó cho đến nay. Chị xác định không còn tình với anh Nông Văn T, mâu thuẫn đã trầm trọng. Vì vậy chị đề nghị Tòa

án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nông Văn T có 01 con chung là cháu Nông Thái H, sinh ngày 15/11/2018, hiện đang sống với anh T. Chị đề nghị Tòa án giao cháu Nông Thái H cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi đủ 18 tuổi. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung định kỳ hàng tháng số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị và anh T không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nông Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của chị Đoàn Thị Thu H về thời gian kết hôn. Quá trình chung sống, anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau. Tuy nhiên anh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H chơi bời, không quan tâm đến chồng con. Anh đã góp ý nhiều lần nhưng chị H không thay đổi. Khoảng tháng 5/2020 chị H đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn X, xã V, huyện V và sống ly thân với anh từ đó. Đến nay, anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H nữa nhưng vì thương con nên anh không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên anh cũng xác định không còn giải pháp nào để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị Đoàn Thị Thu H có 01 con chung là cháu Nông Thái H, sinh ngày 15/11/2018, hiện đang sống cùng với anh. Anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu Nông Thái H cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi đủ 18 tuổi. Anh yêu cầu chị Hương có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung định kỳ hàng tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Anh và chị H không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã C cung cấp thông tin: Việc đăng ký kết hôn và anh chị có 01 con chung là cháu Nông Thái H, sinh ngày 15/11/2018 như các đương sự trình bày là đúng.

Chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 25/5/2021, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho anh T, anh T không có ý kiến gì.

Tại phiên Tòa: - Nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Nông Văn T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật tố tụng Dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 228, 229, 238 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5; điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Đoàn Thị Thu H được ly hôn với anh Nông Văn T.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Nông Thái H, sinh ngày 15/11/2018 cho anh Nông Văn T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Đoàn Thị Thu H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung số tiền là 1.500.000đ/tháng.

- Về án phí: Chị Đoàn Thị Thu H phải chịu án phí vụ án theo quy định Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đoàn Thị Thu H khởi kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Nông Văn T, nơi cư trú tại: Thôn Ken 3, xã C, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nông Văn T vắng mặt lần thứ hai. Người làm chứng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Đoàn Thị Thu H và anh Nông Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh L, như vậy quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Qua xác minh tại địa phương và chứng cứ do đương sự cung cấp xác định sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Từ khoảng tháng 5/2020 chị H đã bỏ về nhà Bố, Mẹ đẻ tại thôn X, xã V sinh sống và vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa cả về tình cảm cũng như kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Cả chị H và T đều xác nhận không còn tình cảm với nhau nữa, anh T không nhất trí ly hôn nhưng không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của khởi kiện chị Đoàn Thị Thu H về việc ly hôn với anh Nông Văn T .

[4] Về nuôi con chung: Chị Đoàn Thị Thu H và anh Nông Văn T có 01 con chung là cháu Nông Thái H, sinh ngày 15/11/2018. Chị H và anh T đều có ý kiến giao cháu Nông Thái H cho anh T nuôi dưỡng.

Xét thấy: Anh T có thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000đ và có nhà ở. Chị H có thu nhập hàng tháng khoảng 4.000.000đ và đang sống nhờ nhà bố mẹ đẻ. Sau khi chị H bỏ đi, cháu H vẫn sống cùng anh T đến nay, chị H cũng không về thăm nom hay quan tâm, chăm sóc cháu.

Như vậy, mặc dù tính đến thời điểm xét xử, cháu Nông Thái H chưa đủ 36 tháng tuổi. Tuy nhiên, cả nguyên đơn chị H và bị đơn anh T đều có nguyện vọng giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng. Mặt khác, anh T có điều kiện kinh tế tốt hơn chị H và bản thân cháu H hiện đang sống cùng anh T. Do đó tiếp tục giao cháu H cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp và đảm bảo được lợi ích của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H có mức thu nhập khoảng 4.000.000đ nên cấp dưỡng hàng tháng mức 1.500.000đ nuôi cháu Nông Thái H là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5; điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu H:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thu H được ly hôn với anh Nông Văn T.

- Về nuôi con: Anh Nông Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Thái H, sinh ngày 15/11/2018 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Đoàn Thị Thu H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nông Thái H định kì hàng tháng là 1.500.000đ *(một triệu năm trăm nghìn đồng)* cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Đoàn Thị Thu H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng cộng là 600.000đ *(sáu trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2012/0001765 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Đoàn Thị Thu H còn phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nông Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã C(01);
- Chi cục THADS(01);
- Các đương sự(02);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái